

UBND TỈNH BÌNH THUẬN
CÔNG TY TNHH MTV
LÂM NGHIỆP BÌNH THUẬN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 354 /CTLN

Bình Thuận, ngày 23 tháng 6 năm 2025

V/v báo cáo nội dung công bố công
khai thông tin của doanh nghiệp theo
Nghị định số 47/2021/NĐ-CP ngày
01/4/2021 của Chính phủ.

Kính gửi: Sở Tài chính tỉnh Bình Thuận.

Thực hiện theo Nghị định số 47/2021/NĐ-CP ngày 01/4/2021 của Chính phủ về quy định chi tiết một số điều của Luật Doanh nghiệp.

Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Bình Thuận báo cáo công bố công khai thông tin của doanh nghiệp theo các biểu tại Nghị định số 47/2021/NĐ-CP ngày 01/4/2021 của Chính phủ, cụ thể:

1/ Nội dung công bố thông tin:

1.1/ Phụ lục II, biểu số 3: Báo cáo đánh giá về kết quả thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2024.

1.2/ Phụ lục II, biểu số 4: Báo cáo kết quả thực hiện các nhiệm vụ công ích và trách nhiệm xã hội (nếu có) năm 2024.

1.3/ Phụ lục II, biểu số 6: Báo cáo thực trạng quản trị và cơ cấu tổ chức của doanh nghiệp năm 2024.

2/ Hình thức công bố thông tin:

Công ty đã thực hiện công bố thông tin trên trang thông tin điện tử <http://www.lamnghiepbinhthuan.com>.

Công TNHH MTV Lâm nghiệp Bình Thuận báo cáo Sở Tài chính xem xét tổng hợp./. 

Nơi nhận:

- Như trên;
- Trưởng Ban kiểm soát Công ty;
- Ban TGD Công ty;
- Phòng TC-KT; KD-MKT; TC-HC
- Lưu VT, CT. Công ty. 



CHỦ TỊCH CÔNG TY

Le Ngọc Cường

PHỤ LỤC II

Biểu số 3: BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ VỀ KẾT QUẢ THỰC HIỆN KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2024

(Ban hành kèm theo công văn số . 334/CTLN ngày 23.../6/2025 của Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Bình Thuận)

CÔNG TY TNHH MTV LÂM NGHIỆP BÌNH THUẬN **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
MST: 3401121487 **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

I. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2024

1/ Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm so với kế hoạch đối với các chỉ tiêu theo Bảng số 1;

Kết quả sản xuất kinh doanh toàn Công ty năm 2024

- Vốn chủ sở hữu: thực hiện năm 2024: 117,611 tỷ đồng
- Sản phẩm chủ yếu:

Chi tiêu	ĐVT	Năm 2024
Các chỉ tiêu sản lượng chủ yếu		
- Sản phẩm mộc	SP	1.042
- Trồng rừng	ha	865,91
- Sản lượng khai thác gỗ rừng trồng	ha	848,82

- Doanh thu: 79,536 tỷ đồng / 63,966 tỷ đồng, đạt 124,34% kế hoạch.
- Lợi nhuận trước thuế: 5,992 tỷ đồng / 4,670 tỷ đồng, đạt 128,30% kế hoạch.
- Nộp ngân sách: 12.227 tỷ đồng / 5,570 tỷ đồng, đạt 219,51% kế hoạch.
- Thu nhập bình quân: 11,063 triệu đồng / 8,20 triệu đồng, đạt 134,91 % kế hoạch.

2/ Thuận lợi, khó khăn chủ yếu, các yếu tố ảnh hưởng tới tình hình sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.

a) Thuận lợi:

- Được sự quan tâm và chỉ đạo trực tiếp của UBND tỉnh cùng các sở ban ngành trong công tác quản lý, chuyên môn nghiệp vụ đã tạo điều kiện chia sẻ giúp cho Công ty vượt qua một số khó khăn nhất định.
- Sự đoàn kết, nhất trí trong nội bộ, quyết tâm và nỗ lực trong toàn hệ thống chính trị của Công ty đã tạo sự đồng lòng, chung tay vượt qua giai đoạn khó khăn hiện hữu và tìm kiếm những giải pháp đồng bộ, khả thi để thực hiện nhiệm vụ được giao.
- Giá bán rừng trồng có thời điểm biến động theo chiều hướng tăng nên việc tiêu thụ sản phẩm của Công ty đạt hiệu quả, từ đó, giúp Công ty hoàn thành tốt các chỉ tiêu kế hoạch được UBND tỉnh giao trong năm, đảm bảo nguồn ngân lưu tài

chính phục vụ hoạt động SXKD, nộp ngân sách và chi trả lương, thưởng và các chế độ chính sách cho người lao động.

- Chính phủ ban hành chính sách giảm thuế GTGT từ 10% xuống còn 8% trong năm 2024, đã giúp Công ty giảm được các chi phí trong sản xuất kinh doanh, giảm giá thành sản phẩm phù hợp nhằm kích thích nhu cầu mua sản phẩm mộc Công ty và một số sản phẩm liên quan khác.

b) Khó khăn:

- Tình hình tài chính của Công ty gặp nhiều khó khăn do phải nộp tiền thuế phát sinh tại khu vực rừng tự nhiên Sông Phan gần 9 tỷ đồng, hiện nay vẫn chưa được cấp có thẩm quyền giải quyết, tháo gỡ.

- Hoạt động chế biến gỗ không hiệu quả, sản xuất cầm chừng nhằm duy trì công ăn việc làm cho người lao động; hệ thống bán lẻ chưa có dấu hiệu khởi sắc do ảnh hưởng bởi sự cạnh tranh của các dòng sản phẩm giá rẻ từ thị trường bên ngoài, bên cạnh đó sức tiêu thụ của người dân giảm, giá nguyên liệu, vật tư đầu vào tăng làm tăng giá thành sản phẩm, dẫn đến doanh thu từ hoạt động bán lẻ đạt thấp so với kế hoạch.

- Tình hình phá rừng, lấn chiếm, tái lấn chiếm đất đai vẫn còn diễn biến phức tạp nhất là các địa bàn khu vực Hòa Thắng – huyện Bắc Bình và khu vực rừng tự nhiên Sông Phan – huyện Hàm Tân.

- Thời tiết nắng nóng cục bộ kéo dài trên khu vực rừng trồng của Công ty trong năm qua đã tác động khá lớn đến sự sinh trưởng rừng trồng như tại một số khu vực như Động Cát – Hàm Thuận Nam, làm một số diện tích rừng trồng chết hạn, gây thiệt hại tài sản và ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất của Công ty.

- Việc xử lý những tồn tại cũ liên quan đến XNCBG gặp nhiều khó khăn chưa dứt điểm; những tồn tại liên quan đến các đơn vị HTĐT vẫn còn hiện hữu.

Tuy nhiên, với sự đoàn kết, chung sức, chung lòng, quyết tâm cao và những nỗ lực của Ban Quản lý điều hành công ty cùng toàn thể CBCNV đã tích cực đề ra các giải pháp từng bước vượt qua khó khăn; đồng thời tổ chức thực hiện có hiệu quả trên nhiều mặt hoạt động trong năm 2024.

BẢNG SỐ 1: MỘT SỐ CHỈ TIÊU VỀ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH CỦA DOANH NGHIỆP

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch	Giá trị thực hiện	Giá trị thực hiện của cả tổ hợp công ty mẹ - công ty con (nếu có) (*)
1	Sản phẩm chủ yếu sản xuất				
a)	Sản lượng khai thác gỗ rừng trồng	ha	862,42	848,82	
b)	Sản phẩm mộc	Sản phẩm	1.512	1.042	
c)	Trồng rừng	ha	749,5	865,91	

2	Tổng doanh thu	Tỷ đồng	63,966	79,536	
3	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	4,670	5,992	
4	Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	3,760	3,957	
5	Thuế và các khoản đã nộp Nhà nước	Tỷ đồng	5,570	12,227	
6	Kim ngạch xuất nhập khẩu (nếu có)	Tỷ đồng			
7	Sản phẩm dịch vụ công ích (nếu có)				
8	Tổng số lao động	Người	190	181	
9	Tổng quỹ lương	Tỷ đồng	19,72	23,745	
a)	Quỹ lương quản lý	Tỷ đồng	2,05	2,459	
b)	Quỹ lương lao động	Tỷ đồng	17,67	21,285	

Lưu ý:

(*) Công ty mẹ là doanh nghiệp nhà nước cung cấp thông tin các chỉ tiêu hợp nhất của mô hình công ty mẹ - công ty con.

II. TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ, TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CÁC DỰ ÁN:
Công ty không có đầu tư các dự án.

1. Đánh giá tình hình thực hiện các Dự án có tổng mức vốn từ nhóm B trở lên (theo phân loại quy định tại Luật Đầu tư công); tiến độ thực hiện; những khó khăn, vướng mắc trong trường hợp dự án không đảm bảo tiến độ đã được phê duyệt.
Công ty không có đầu tư dự án nhóm B trở lên.

BẢNG SỐ 2: TÌNH HÌNH THỰC HIỆN ĐẦU TƯ CỦA DOANH NGHIỆP

TT	Tên dự án	Tổng vốn đầu tư (tỷ đồng)	Vốn chủ sở hữu (tỷ đồng)	Vốn vay (tỷ đồng)	Vốn khác (tỷ đồng)	Tổng giá trị thực hiện tính đến thời điểm báo cáo (tỷ đồng)	Thời gian thực hiện dự án (từ năm ... đến năm...)
Dự án quan trọng quốc gia							
Dự án nhóm A							
Dự án nhóm B							

2. Các khoản đầu tư tài chính.

III. TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ TẠI CÁC CÔNG TY CON: không có.

Đánh giá tình hình hoạt động của các công ty mà doanh nghiệp nắm trên 50% vốn điều lệ, tình hình đầu tư của doanh nghiệp vào các công ty này, tóm tắt về hoạt động và tình hình tài chính của các công ty này theo Bảng số 3.

Công ty không có đầu bên ngoài.

BẢNG SỐ 3: TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ VÀ SẢN XUẤT KINH DOANH TẠI CÁC CÔNG TY CON DO CÔNG TY MẸ NẮM CỔ PHẦN CHI PHỐI

TT	Tên doanh nghiệp	Vốn điều lệ (tỷ đồng)	Tổng vốn đầu tư của công ty mẹ (tỷ đồng)	Tổng tài sản (tỷ đồng)	Doanh thu (tỷ đồng)	Lợi nhuận trước thuế (tỷ đồng)	Lợi nhuận sau thuế (tỷ đồng)	Lợi nhuận nộp về công ty mẹ	Thuế và các khoản đã nộp Nhà nước (tỷ đồng)	Tổng nợ phải trả (tỷ đồng)
1	Các công ty con do công ty mẹ nắm giữ 100% vốn điều lệ									
1.1	Công ty A									
1.2	Công ty B									
2	Các công ty con do công ty mẹ nắm giữ trên 50% vốn điều lệ									
2.1	Công ty C									
2.2	Công ty D									